TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116**/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 29/5/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lộc Thị Kim Thơm

2. Bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lương Nguyễn Thảo Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/5/2025 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn*: Anh Đào Sinh T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ1 (tên trong giấy đăng ký kết hôn là Đào Sinh T1) đăng ký kết hôn ngày 17/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang do tìm hiểu yêu đương, không ép gả. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu

chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Anh T thường xuyên mắng chửi chị, bạo lực chị về tinh thần. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có quá nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhiều lần không giải quyết được, không tìm được tiếng nói chung, gây mệt mỏi, ảnh hưởng đến tâm lý trong công việc và sinh hoạt hàng ngày cũng như nuôi dạy con, không thể tiếp tục chung sống. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Đào Sinh Thành ly hôn.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Đào Thị Thu H1, sinh ngày 20/02/2004 và cháu Đào Sinh H2, sinh ngày 01/5/2008. Cháu H1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết khi ly hôn. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Đào Sinh H2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ, cho vay nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đào Sinh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y vào ngày 17/3/2004. Trong giấy đăng ký kết hôn ghi anh tên là Đào Sinh T1 vì tên của anh ở nhà là T1, tuy nhiên trên các giấy tờ như Căn cước công dân, giấy phép lái xe và các giấy tờ khác đều tên là Đào Sinh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sinh sống tại thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, do bất đồng quan điểm về cách làm ăn, vợ chồng có cãi vã. Chị H đề nghị ly hôn anh không ký giấy tờ cho chị H, đến đầu năm 2025 chị H thuê xe chuyển đồ đạc ra khỏi nhà, từ lúc chị H chuyển đi anh không liên lạc được với chị H, anh chị sống ly thân từ tháng 2 năm 2025. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh không nhất trí vì vẫn còn tình cảm với vợ và muốn giữ gia đình vì các con. Nếu chị H cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đào Thị Thu H1, sinh ngày 20/02/2004 và cháu Đào Sinh H2, sinh ngày 01/5/2008. Cháu H1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu H2 từ khi chị H đi khỏi nhà cháu H2 đi theo mẹ. Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu H2, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu cháu H2 có nguyện vọng ở với ai thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, vay nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Ông Đào Văn H3 - Trưởng thôn Cô Ba, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cho biết:

Anh Đào Sinh T và chị Nguyễn Thị H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 17/3/2004 tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Đào Sinh T và Đào Sinh T1 trong giấy chứng nhận kết hôn là cùng một người vì tên thường gọi ở nhà của anh T là T1. Sau khi kết hôn anh T và chị H sinh sống tại thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì chính quyền địa phương không nắm được. Theo thông tin thôn nắm được thì chị H đã chuyển ra ngoài ở từ tháng 2 năm 2025, anh chị sống ly thân từ đó đến nay.

Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Đào Thị Thu H1, sinh năm 2004 và cháu Đào Sinh H2, sinh ngày 01/5/2008. Cháu H1 đã lập gia đình và sống tại nhà chồng, còn cháu H2 hiện nay đang sống cùng chị H.

Về tài sản chung: Anh T, chị H có tài sản chung gì không thì thôn không nắm được.

Về vay nợ chung: Anh T, chị H không vay nợ gì của tổ chức, đoàn thể của thôn.

Về thu nhập bình quân đầu người của người dân trong thôn là 4.700.000 đồng/tháng.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đào Sinh T.

Về con chung: Giao cháu Đào Sinh H2, sinh ngày 01/5/2008 cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về nợ chung: Chị H, anh T xác định không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh Đào Sinh T không phải chịu án phí. Về quyền kháng cáo,

đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đào Sinh T và nuôi con khi ly hôn. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Đào Sinh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Y. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn theo quy định tại các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Đào Sinh T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định:

Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Sinh Thành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 17/03/2004 Giấy chứng nhận kết hôn số 09, hai bên kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị Thành Hoan chung sống tại Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H xác định do bất đồng quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Anh T thường xuyên mắng chửi chị và bạo lực về tinh thần, không tìm được tiếng nói chung, gây mệt mỏi, ảnh hưởng đến tâm lý trong công việc và sinh hoạt hàng ngày cũng như nuôi dạy con cái, không thể tiếp tục chung sống. Quá trình giải quyết vụ án, anh T thừa nhận có mâu thuẫn do tính tình không hợp, do bất đồng quan điểm về cách làm ăn, vợ chồng có cãi vã. Khi chị H đề nghị ly hôn anh không nhất trí ký giấy tờ cho chị H, đến đầu năm 2025 chị H thuê xe chuyển đồ đạc ra khỏi nhà, từ lúc chị H chuyển đi anh không liên lạc được với chị H, anh chị sống ly thân từ tháng 2 năm 2025. Anh không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với vợ và muốn giữ gia đình cho các con. Nếu chị H cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cả chị H và anh T cũng đều từ chối hoà giải, điều đó cho thấy các bên không thực sự mong muốn đoàn tụ, việc các bên không thống nhất thuận tình ly hôn xuất phát từ mục đích phải kèm theo điều kiện nuôi con, không phải xuất phát từ việc các bên còn tình cảm yêu thương lẫn nhau. Hiện tại chị H và anh T sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Đào Thị Thu H1, sinh ngày 20/02/2004 và cháu Đào Sinh H2, sinh ngày 01/5/2008. Cháu H1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh chị không yêu cầu giải quyết khi ly hôn. Khi ly hôn, cả chị H và anh T đều đề nghị là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đào Sinh H2 và không cần bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ các tài liệu chứng cứ do các đương sự đã giao nộp và các tài liệu xác minh, HĐXX xét thấy:

- Về điều kiện nuôi con của chị Nguyễn Thị H:

+ Về chỗ ở: Hiện tại chị H và cháu H2 đang sinh sống tại nhà mẹ đẻ của chị là bà Phan Thị Ạ tại thôn K, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Mẹ chị hiện đang sống một mình trên diện tích nhà cấp 4 khoảng 100m^2, đủ điều kiện cho mẹ con chị sinh sống.

+ Về thu nhập: Trước đây chị làm cấp dưỡng nấu cơm tại thủy điện S với mức lương khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Nhưng đến đầu tháng 3/2025 chị đã chuyển sang làm công nhân Công ty may giày da Victory tại K cụm C, huyện Y chị mới làm thử việc mức lương khoảng 5.000.000 đồng/tháng, nếu làm chính thức thì lương khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, chị còn tăng gia, sản xuất, trồng trọt thêm tại gia đình mẹ đẻ thu nhập thêm khoảng 3.000.000 đồng/tháng.

- Về điều kiện nuôi con của anh Đ Sinh Thành: Hiện tại anh T có nhà ở tại thôn C, xã P, huyện Y, nghề nghiệp là lao động tự do thu nhập trung bình khoảng 4.700.000đ/ tháng.

Cả chị H và anh T đều có nhân thân tốt, không bị hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Điều kiện sinh sống học tập của các cháu nơi chị H và anh T sinh sống đều là vùng nông thôn miền núi.

- Về các điều kiện khác phù hợp với việc nuôi dưỡng con chung: HĐXX xét thấy, cháu H2 sinh sống cùng bố mẹ từ nhỏ, từ khi bố mẹ sống ly thân, cháu trực tiếp ở cùng chị H, quá trình sống cùng chị H, cháu phát triển tốt về thể chất

lẫn tinh thần. Việc chăm sóc học hành của cháu hàng ngày do chị H lo toan là chủ yếu. Cháu Đào Sinh H2, sinh ngày 01/5/2008 trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu mong muốn được sống cùng mẹ. Mặt khác anh T cũng trình bày nếu cháu H2 có nguyện vọng ở với ai thì đề nghị Tòa án xem xét theo nguyện vọng của cháu.

Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của chị H là có căn cứ cần chấp nhận, cần giao cháu Đào Sinh H2, sinh ngày 01/5/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H2 khi ly hôn nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Sinh Thành tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào S không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Đào Sinh T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đào Sinh Thành (Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 17/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang).

3. Về con chung: Giao con chung là cháu Đào Sinh H2, sinh ngày 01/5/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đào Sinh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị H không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003020419 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Công ty Cổ phần T2 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/ 25 số 14 ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh Đào Sinh T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quan Thị Thu Trang